

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG – FILE ĐÍNH KÈM

E- ĐKC 5.2

Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang.

Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng:

- Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận Bên B đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì Bên B đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 3 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 100 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.

- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau

- + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
- + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;

Nếu Bên B là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.

Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bổ sung Điều kiện cụ thể file đính kèm (E-ĐKC 22)

a) Nguyên tắc: Nội dung vi phạm đối với hợp đồng cung cấp thiết bị được quy định như sau:

- Các nội dung sai sót liên quan đến tiến độ cung cấp thiết bị: bắt đầu từ ngày thứ 5 trở đi, cứ mỗi ngày chậm sẽ bị phạt.

- Các nội dung sai sót liên quan đến chất lượng thiết bị: thiết bị không đảm bảo chất lượng theo đúng yêu cầu của hợp đồng.

b) Mức phạt:

- Giá trị phạt do sai sót về chất lượng được tính = tối đa 12 % x phần giá trị hợp đồng bị vi phạm (tỷ lệ % tùy theo tính chất vi phạm do các Đơn vị tự quyết định).

- Giá trị phạt do sai sót về tiến độ được tính = tỷ lệ % x giá trị hạng mục công việc bị vi phạm (tỷ lệ được tính bắt đầu từ ngày thứ 5, cứ mỗi ngày chậm tiếp theo sẽ phạt 0,1 % giá trị lô hàng).

- Tổng mức phạt cho cả 02 nội dung trên không quá 12 % giá trị hợp đồng bị vi phạm; mức phạt tối đa đến 12 % sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng”.